

Thu nhập và mức độ đa dạng hóa thu nhập của hộ gia đình nông thôn Việt Nam giai đoạn 2012-2016

NGUYỄN THU HÀ*
HOÀNG THỊ LAN ANH**
PHẠM TUẤN ANH***

Tóm tắt

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam, giai đoạn 2012-2016 để đo lường mức độ đa dạng hóa thu nhập (ĐDHTN) của các hộ gia đình nông thôn theo chỉ số nghịch đảo của Herfindahl - Hirshman. Kết quả cho thấy, mức độ ĐDHTN của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam có xu hướng giảm dần theo mức thu nhập bình quân. Đồng thời, nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị hàm ý chính sách nhằm cải thiện thu nhập cho các hộ gia đình trong thời gian tới.

Từ khóa: đa dạng hóa thu nhập, hộ gia đình, thu nhập, Việt Nam

Summary

The study uses the Vietnamese households living standard survey (VHLSS) data in the period from 2012 to 2016 to measure the income diversification of rural households according to the Herfindahl-Hirshman inverse index. The result shows that, the income diversification of Vietnamese rural households tends to decrease with the per capita income level. Thereby, the study proposes some policy implications in order to improve income for households in the coming time.

Keywords: income diversification, households, income, Vietnam

GIỚI THIỆU

Trong suốt những thập niên vừa qua, nước ta đã có những tiến bộ được ghi nhận trong công tác xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, việc đảm bảo thoát nghèo bền vững vẫn còn là thách thức to lớn đối với Chính phủ.

Việt Nam có tới 23 triệu dân lấy nông nghiệp làm nghề chính, do vậy, nếu chỉ dựa vào nông nghiệp, thì chưa đủ để người dân thoát nghèo, cũng như nâng cao đời sống của nông hộ nghèo ở vùng nông thôn. Vấn đề được đặt ra là ngoài làm nông nghiệp, còn những hoạt động nào tạo ra thu nhập cho nông hộ? ĐDHTN là cách mà nông hộ nghĩ đến như một sinh kế. Đa dạng hóa là hoạt động thường thấy trong sản xuất, đặc

biệt là trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, vì người dân phải đối mặt với những rủi ro, như: thiên tai, dịch bệnh, biến động thị trường... Do đó, đa dạng hóa được xem là cần thiết để giảm rủi ro và tăng thu nhập cho người dân, đặc biệt là nông hộ nghèo. Mặt khác, khi những nông hộ nghèo không có đủ nguồn lực cho sản xuất nông nghiệp, thì họ cũng có xu hướng tham gia vào hoạt động phi nông nghiệp để tạo thêm thu nhập.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

ĐDHTN là sự gia tăng số lượng các nguồn thu nhập khác nhau, kể cả thu từ nông nghiệp hay phi nông nghiệp (Minot và cộng sự, 2006). Còn theo Delgado và Siamwalla (1997), ĐDHTN của hộ gia đình nông thôn là sự thương mại hóa trong nông nghiệp. Điều này không góp phần trong sự gia tăng số lượng các nguồn thu nhập.

*; **, *** TS., Trường Đại học Thương mại | Email: nguyenthuha1113@gmail.com

Ngày nhận bài: 06/06/2018; Ngày phản biện: 05/07/2018; Ngày duyệt đăng: 23/07/2018

BẢNG 1: THỐNG KÊ THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI THEO NHÓM THU NHẬP QUA CÁC NĂM

Đơn vị: Nghìn đồng/người/tháng

Năm	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thu nhập TB	Hộ thu nhập khá	Hộ thu nhập cao	Cả nước
2012	529,61	991,94	1.496,88	2.185,22	4.391,97	1.604,84
2014	554,32	987,98	1.502,50	2.212,66	4.327,02	1.873,50
2016	566,18	987,62	1.529,53	2.235,61	4.540,84	2.237,10
2012-2016	549,15	988,97	1.510,54	2.215,76	4.440,86	1.940,63

Nguồn: Thống kê của tác giả từ dữ liệu VHLSS 2012-2016

Theo Barrett và Reardon (2000), ĐDHTN thường được đo lường dựa vào thu nhập, vì nó là chỉ tiêu phản ánh rõ nhất kết quả đầu ra của các hoạt động kinh tế. Mức độ ĐDHTN thường được phân tích bởi tỷ trọng thu nhập từ các hoạt động khác nhau trong tổng thu nhập của hộ gia đình. Phổ biến nhất trong tài chính, kinh tế và các nghiên cứu khoa học xã hội là chỉ số Herfindahl - Hirshman (HHI), nó bằng tổng bình phương các tỷ trọng của mỗi nguồn thu nhập. Chỉ số này tăng theo số nguồn thu và tỷ trọng của từng nguồn thu, do đó cung cấp một quan điểm đa chiều về hành vi đa dạng hóa thu nhập (Barrett và Reardon, 2000), với công thức tính:

$$HHI = \sum_i P_i^2$$

Chỉ số Herfindahl được tính dựa trên tỷ trọng các nguồn thu trong tổng thu nhập, nên nó nhạy cảm với sự thay đổi số liệu ở những nguồn thu nhập sẵn có. Chỉ số HHI nhận giá trị trong khoảng từ 0 đến 1 và lớn nhất bằng 1 khi hộ gia đình chỉ có một nguồn thu.

Để thuận tiện trong đánh giá mức độ ĐDHTN theo số nguồn thu, nhiều nghiên cứu sử dụng chỉ số nghịch đảo của HHI được tính như sau:

$$IHI = \frac{1}{HHI} = \frac{1}{\sum_i P_i^2}$$

Chỉ số IHI nhận giá trị nhỏ nhất bằng 1, khi hộ gia đình chỉ có một nguồn thu duy nhất và nhận giá trị lớn nhất bằng số nguồn thu (mức đa dạng hóa cao). Có thể nhận thấy, IHI tăng theo số nguồn thu và đạt giá trị lớn nhất bằng số nguồn thu, khi tất cả các nguồn thu đóng góp như nhau vào thu nhập của hộ gia đình.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng dữ liệu khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) giai đoạn 2012-2016 của Tổng cục Thống kê để phân tích và đánh giá thực trạng về thu nhập và mức độ ĐDHTN của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam theo các vùng và theo các nhóm thu nhập.

Theo VHLSS, thu nhập của các hộ gia đình được tính từ 9 nguồn thu, gồm: (1) Thu nhập từ trồng trọt, gồm: các nguồn thu từ trồng cây lương thực, cây hoa màu, cây ăn quả, cây công nghiệp... (2) Thu nhập từ chăn nuôi; (3) Thu nhập từ sản bắt; (4) Thu nhập từ lâm nghiệp; (5) Thu nhập từ thủy sản; (6) Thu nhập từ các dịch vụ nông nghiệp; (7) Thu nhập từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh phi nông - lâm - thủy sản; (8) Thu nhập từ lương; (9) Thu nhập khác: bao gồm các nguồn thu từ cho thuê đất, cho thuê nhà, thu nhập từ các khoản trợ cấp và một số nguồn khác. Thu nhập từ

mỗi nguồn thu được tính bằng tổng thu từ nguồn đó trừ chi phí tương ứng.

Trong đó, thu nhập từ nông nghiệp bao gồm các nguồn thu từ (1) đến (6), thu nhập từ các hoạt động phi nông nghiệp bao gồm các nguồn thu (7) và (8).

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả đo lường mức độ ĐDHTN theo chỉ số IHI. Trong nghiên cứu, các bảng thống kê theo 6 vùng ở phần tiếp theo được ký hiệu: (1) Đồng bằng sông Hồng; (2) Trung du và miền núi phía Bắc; (3) Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; (4) Tây Nguyên; (5) miền Đông Nam Bộ; (6) Đồng bằng sông Cửu Long.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ THẢO LUẬN

Thu nhập bình quân của hộ gia đình nông thôn Việt Nam

Thu nhập bình quân của hộ gia đình nông thôn theo nhóm thu nhập

Bảng 1 trình bày mức thu nhập bình quân đầu người theo tháng của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam trong 3 năm, theo 5 nhóm thu nhập. Trong đó, nhóm thu nhập 1 là nhóm có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất (549,15 nghìn đồng/tháng) và nhóm thu nhập 5 là nhóm có thu nhập bình quân đầu người cao nhất và cao gấp 8 lần thu nhập bình quân của nhóm 1 (4.440,86 nghìn đồng/tháng). Thu nhập bình quân đầu người của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam giai đoạn 2012-2016 là 1.940,63 nghìn đồng/tháng, gấp 3,54 lần nhóm hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất.

Theo Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020, có thể xếp nhóm 20% hộ gia đình có thu nhập thấp nhất vào nhóm hộ nghèo; 20% hộ gia đình nhóm 2 thuộc nhóm hộ cận nghèo; 20% hộ gia đình nhóm 3 thuộc nhóm hộ thu nhập trung bình; 20% hộ gia đình nhóm 4 thuộc nhóm hộ thu nhập khá; 20% hộ gia đình còn lại thuộc nhóm hộ thu nhập cao.

Thu nhập bình quân đầu người của hộ gia đình nông thôn theo vùng

Kết quả Bảng 2 cho thấy, thu nhập bình quân đầu người của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam có sự khác nhau giữa các vùng trong giai đoạn 2012-2016. Vùng Đông Nam Bộ có thu nhập bình quân đầu người cao nhất với 2.981,30 nghìn đồng/người/tháng, cao gấp khoảng

2 lần thu nhập bình quân đầu người của cả nước. Thấp nhất là thu nhập bình quân đầu người của vùng Trung du và miền núi phía Bắc với 1.460,05 nghìn đồng/người/tháng, thấp hơn cả thu nhập bình quân đầu người cả nước. Trong 6 vùng, thì vùng Trung du và miền núi phía Bắc, vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải miền Trung và vùng Tây Nguyên đều có thu nhập bình quân đầu người thấp hơn thu nhập bình quân đầu người của cả nước (thu nhập bình quân đầu người cả nước là 1.940,63 nghìn đồng/người/tháng). Sở dĩ, mức thu nhập bình quân đầu người khác nhau do điều kiện, kinh tế và các yếu tố khác của các vùng là khác nhau. Hơn nữa, thu nhập bình quân của các vùng và của cả nước đều tăng qua các năm.

Ở mỗi năm, thu nhập bình quân đầu người của vùng Đồng bằng sông Hồng, vùng Đông Nam Bộ đều cao hơn thu nhập bình quân cả nước. Trong đó, các hộ gia đình nông thôn vùng Đông Nam Bộ có thu nhập bình quân đầu người luôn đạt mức cao nhất trong 6 vùng theo từng năm: tiếp theo là vùng Đồng bằng sông Hồng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Tỷ trọng các nguồn thu của hộ gia đình nông thôn

Tỷ trọng các nguồn thu của hộ gia đình nông thôn theo các vùng

Bảng 3 cho thấy:

(i) **Lợi thế thu nhập của từng vùng:** vùng Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long có tỷ trọng thu nhập cao nhất đến từ lương; vùng Trung du và miền núi phía Bắc và Tây Nguyên có thu nhập chủ yếu từ trồng trọt. Tuy nhiên, có sự khác nhau trong cơ cấu cây trồng của mỗi vùng này do đặc điểm thổ nhưỡng. Điều này cho thấy, sự hợp lý khi điều kiện tự nhiên về khí hậu, thổ nhưỡng và đặc điểm dân cư của các vùng này đều thuận lợi cho việc phát triển trồng trọt cây lương thực, cây ăn quả và cây công nghiệp.

(ii) **Đóng góp của từng nguồn thu:** Kết quả thống kê cho thấy, thu nhập từ lương chiếm tỷ trọng cao nhất đối với hầu hết các vùng và chiếm tỷ trọng trung bình tới 32,22%. Tiếp đến là thu nhập từ trồng trọt, chiếm tỷ trọng 26,96%. Thu nhập từ hoạt động sản xuất và dịch vụ nông nghiệp chiếm phần nhỏ trong tổng thu. Tỷ trọng thu nhập từ chăn nuôi cao nhất ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc. Thu nhập từ thủy sản có tỷ trọng lớn nhất tại Đồng

BẢNG 2: THỐNG KÊ THU NHẬP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI THEO VÙNG

Đơn vị: *Nhìn đồng/người/tháng*

Vùng Năm	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	Cả nước
2012	1.972,98	1.184,35	1.437,24	1.622,41	2.606,85	1.796,14	1.604,84
2014	2.288,90	1.405,25	1.725,52	1.834,92	2.879,41	2.343,27	1.873,50
2016	2.853,75	1.670,07	1.975,09	2.152,12	3.399,89	2.760,39	2.237,10
2012-2016	2.427,71	1.460,05	1.737,41	1.877,75	2.981,30	2.336,58	1.940,63

BẢNG 3: THỐNG KÊ TỶ TRỌNG CÁC NGUỒN THU CỦA HỘ GIA ĐÌNH THEO VÙNG

Đơn vị: %

Vùng	Trồng trọt	Chăn nuôi	Sản xuất	Lâm nghiệp	Thủy sản	DVNN	Phi NLTS	Lương	Thu khác
1	16,80	7,38	0,01	0,28	2,56	0,45	14,37	39,28	18,87
2	33,53	12,36	0,08	8,67	1,49	0,26	6,84	26,09	10,69
3	20,58	9,44	0,13	3,73	1,86	0,63	10,77	34,73	18,13
4	51,61	5,35	0,23	2,53	0,63	0,26	5,91	25,25	8,23
5	22,12	3,57	0,03	0,14	0,87	0,46	12,67	47,82	12,31
6	27,85	4,29	0,07	0,32	7,87	0,47	12,00	30,34	16,80
Cả nước	26,96	8,69	0,08	3,88	2,69	0,42	10,22	32,22	14,84

BẢNG 4: THỐNG KÊ TỶ TRỌNG CÁC NGUỒN THU CỦA HỘ GIA ĐÌNH THEO NHÓM THU NHẬP

Đơn vị: %

Nhóm thu nhập	Trồng trọt	Chăn nuôi	Sản xuất	Lâm nghiệp	Thủy sản	DVNN	Phi NLTS	Lương	Thu khác
1	40,06	10,47	0,19	9,73	2,33	0,18	2,61	18,34	16,09
2	29,85	9,65	0,10	4,62	2,78	0,33	6,57	30,39	15,71
3	24,19	8,57	0,06	2,51	2,84	0,47	11,14	36,27	13,96
4	20,32	7,28	0,02	1,05	2,57	0,53	14,16	40,61	13,46
5	19,00	7,30	0,02	0,93	2,99	0,61	17,71	36,50	14,94
Cả nước	26,96	8,69	0,08	3,88	2,69	0,42	10,22	32,22	14,84

Nguồn: Thống kê của tác giả từ dữ liệu VHLSS 2012-2016

bằng sông Cửu Long và có tỷ trọng thấp nhất tại Tây Nguyên, điều này hoàn toàn phù hợp với lợi thế về điều kiện tự nhiên của từng vùng trong phát triển thủy sản.

Đối với hoạt động phi nông, lâm, thủy sản, tỷ trọng nguồn thu này ở vùng Trung du và miền núi phía Bắc và vùng Tây Nguyên chiếm phần khá nhỏ so với mức chung của cả nước. Điều này cho thấy, những chính sách, chiến lược của Chính phủ về phát triển các thế mạnh của vùng ảnh hưởng tới định hướng về ngành nghề, cũng như tạo điều kiện để nông hộ có thêm nguồn thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp.

Tỷ trọng các nguồn thu của hộ gia đình nông thôn theo nhóm thu nhập

Kết quả Bảng 4 cho thấy, thu nhập từ hoạt động nông lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng giảm dần theo mức thu nhập bình quân của hộ gia đình. Ngược với xu hướng này, thu nhập từ hoạt động phi nông nghiệp (lương và hoạt động sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp) có tỷ trọng tăng dần theo mức thu nhập bình quân.

Mức độ ĐDHTN của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam

Mức độ ĐDHTN của hộ gia đình nông thôn Việt Nam được đo lường, đánh giá theo chỉ số IHI. Thống kê cho thấy, mức độ ĐDHTN của hộ gia đình có giá trị trung bình là 2,21; trong đó, lớn nhất là 6,63 và nhỏ

BẢNG 5: THỐNG KÊ MỨC ĐDHTN - CHỈ SỐ IHI

	Số quan sát	Giá trị trung bình	Sai số chuẩn	Giá trị nhỏ nhất	Giá trị lớn nhất
IHI	37.331	2,20682	0,846041	0,1153826	6,627732

BẢNG 6: THỐNG KÊ MỨC ĐỘ ĐDHTN THEO VÙNG

Năm	Vùng						Cả nước
	1	2	3	4	5	6	
2012	1,99	2,55	2,26	1,94	1,53	1,87	2,16
2014	2,05	2,54	2,25	1,91	1,6	1,98	2,23
2016	2,00	2,63	2,18	1,92	1,65	1,96	2,23
2012-2016	2,02	2,56	2,24	1,92	1,59	1,93	2,21

BẢNG 7: MỨC ĐỘ ĐDHTN THEO NHÓM THU NHẬP

Năm	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ thu nhập trung bình	Hộ thu nhập khá	Hộ thu nhập cao	Cả nước
2012	2,49	2,22	2,06	1,97	1,79	2,16
2014	2,54	2,35	2,18	2,08	1,95	2,23
2016	2,56	2,52	2,26	2,14	1,93	2,23
2012-2016	2,52	2,34	2,16	2,06	1,91	2,21

Nguồn: Tính toán của tác giả trên VHLSS 2012-2016 bằng phần mềm STATA

nhất là 0,11 (Bảng 5). Điều này cho thấy, trong giai đoạn 2012-2016, hầu hết các hộ gia đình nông thôn Việt Nam đều có thu nhập từ trên một nguồn thu.

Mức ĐDHTN của hộ gia đình nông thôn theo vùng

Bảng 6 thống kê mức ĐDHTN theo 6 vùng cho thấy: Trong giai đoạn nghiên cứu, vùng Trung du và miền núi phía Bắc có mức ĐDHTN cao nhất, tiếp sau đó là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, thấp nhất là miền Đông Nam Bộ. Có thể nhận thấy, vùng có thu nhập bình quân càng thấp, thì có mức đa dạng hóa thu nhập càng cao.

Mức độ ĐDHTN của hộ gia đình nông thôn theo nhóm thu nhập

Kết quả thống kê về mức độ ĐDHTN theo năm nhóm thu nhập trong Bảng 7 cũng cho ta những nhận xét tương đồng với kết quả thống kê theo vùng.

Bảng 7 cho thấy, nhóm hộ nghèo có thu nhập bình quân đầu người thấp nhất nhưng có chỉ số IHI cao nhất so với nhóm hộ gia đình khác, với IHI = 2,53. Hộ cận nghèo, hộ thu nhập trung bình và hộ thu nhập khá đều có mức ĐDHTN lớn hơn 2, hộ có thu nhập bình quân

đầu người cao nhất lại có mức độ đa dạng hóa thấp nhất và nhỏ hơn 2 (chỉ số IHI = 1,91). Chỉ số IHI tính được của cả năm nhóm thu nhập là 2,21. Như vậy, mức độ ĐDHTN của hộ nghèo và hộ cận nghèo cao hơn mức đa dạng trung bình của năm nhóm thu nhập.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết quả nghiên cứu cho thấy, các hộ gia đình thu nhập thấp (hộ nghèo), thì có tỷ trọng thu từ hoạt động nông nghiệp cao (hơn 60%). Trong khi, các hộ gia đình thuộc nhóm có thu nhập cao, thì hơn 54% thu nhập của họ là từ các hoạt động phi nông nghiệp. Bên cạnh đó, mức độ ĐDHTN của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam có xu hướng giảm dần theo mức thu nhập bình quân khi xem xét theo vùng và nhóm thu nhập. Do đó, có thể đặt giả thuyết, mức thu nhập bình quân đầu người và mức ĐDHTN của các hộ gia đình nông thôn Việt Nam có mối quan hệ ngược chiều.

Từ những kết luận đã rút ra qua phân tích, để cải thiện thu nhập cho các hộ gia đình, các nhà hoạch định chính sách cần quan tâm hơn đến đặc điểm địa lý tự nhiên và thế mạnh của từng vùng có liên quan đến nguồn thu nhập chính của người dân vùng đó để xây dựng chiến lược phát triển vùng phù hợp. Trong đó, cần chú trọng đầu tư để thúc đẩy hiệu quả liên kết của chuỗi cung ứng các sản phẩm là thế mạnh của vùng/địa phương. Từ đó, giúp tạo việc làm, nâng cao thu nhập của các hộ gia đình. Cùng với đó, khi xây dựng các chương trình, chiến lược và mục tiêu quốc gia về giảm nghèo, cần chú trọng đến mục tiêu tạo lực đẩy, giúp các hộ gia đình nghèo có cơ hội tiếp cận với các nguồn lực sinh kế để có thể thoát nghèo bền vững. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thủ tướng Chính phủ (2015). *Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg, ngày 19/11/2015 ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020*
2. Tổng cục Thống kê (2002-2017). *Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam giai đoạn 2012-2016*
3. Barrett and Reardon (2000). Asset, Activity, and Income Diversification among African Agriculturalists: Some Practical Issues, *Food Policy*, 26(4), 315-331
4. Delgado và Siamwalla (1997). *Rural Economy And Farm Income Diversification In Developing Countries*, Paper presented at a Plenary Session of the XXIII International Conference of Agricultural Economists, Sacramento, CA, U.S.A., August, 10-16
5. Minot, N., M. Epprecht, T.T.T. Anh and L.Q. Trung (2006). *Income diversification and poverty in the Northern Upland of Vietnam*, Research Report No. 145, International Food Policy Research Institute, Washington, DC